

BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA NẠN NHÂN LÀ TRẺ EM TRONG CÁC VỤ ÁN MUA BÁN NGƯỜI

TRẦN HỮU TRĂNG*

Năm 2016, thống kê của Văn phòng Liên Hợp Quốc về Ma túy và Tội phạm (the United Nations Office on Drugs and Crime) cho thấy có hơn 24.000 nạn nhân bị mua bán được phát hiện, trong đó 30% là trẻ em (23% là trẻ em gái, 7% là trẻ em trai). Trong khi phần lớn trẻ em trai bị cưỡng bức lao động (50%), thì phần lớn trẻ em gái bị buôn bán để bóc lột tình dục (72%). Tại Việt Nam, giai đoạn 2012-2018 đã có 6.808 nạn nhân của các vụ mua bán người, trong đó chỉ riêng Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội đã tiếp nhận, hỗ trợ hơn 3.500 nạn nhân, trong đó có gần 3.400 nữ, hơn 600 người dưới 18 tuổi. Thực trạng này cho thấy việc bảo đảm quyền của nạn nhân nói chung, nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người nói riêng đang đặt ra rất cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Bài viết này phân tích về các quyền và bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người.

Từ khóa: Quyền, bảo đảm quyền, nạn nhân, trẻ em, mua bán người.

Ngày nhận bài: 08/6/2021; Biên tập xong: 15/6/2021; Duyệt đăng: 30/6/2021

In 2016, statistics collected by the United Nations Office on Drugs and Crime revealed more than 24,000 victims of human trafficking were detected, of which 30% were children (23% girls, 7% boys). While the majority of boys were subjected to forced labor (50%), the majority of girls were trafficked for sexual exploitation (72%). In Viet Nam, between 2012-2018, of the 6,808 victims of human trafficking, the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs received and supported more than 3,500 victims, including nearly 3,400 female, and more than 600 people under 18 years old. This situation highlights the rights of trafficked victims and child victims in particular as an urgent matter to be addressed. This article analyzes the rights of child victims and how to guarantee their rights in human trafficking cases.

Keywords: Rights, ensuring the rights, victims, children, human trafficking.

1. Quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

1.1. Quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người theo pháp luật quốc tế

Điều 1 Công ước về quyền trẻ em của Liên Hợp Quốc năm 1989 (Convention on the Rights of the Child - CRC) quy định: "... trẻ em là người dưới 18 tuổi, trừ khi luật áp dụng cho trẻ em quy định độ tuổi sớm hơn"¹. Các văn bản pháp luật quốc tế hiện hành không có quy định riêng về nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán

người mà chỉ xác định nạn nhân là phụ nữ, trẻ em là những đối tượng được bảo vệ đặc biệt. Nghị định thư về ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc (được thông qua và mở cho các quốc gia ký, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết số 55/25 ngày 15/11/2000 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc)² (sau đây gọi tắt là Nghị định thư)

** Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội*

² United Nations Protocol to Prevent, Suppress and Punish Trafficking in Persons, especially Women and Children. Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/protocoltraffickinginpersons.aspx>.

¹ Convention on the Rights of the Child. Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/crc.aspx>

đã quy định bốn nhóm quyền cơ bản của nạn nhân, gồm:

- *Quyền được bảo vệ*, bao gồm quyền được bảo vệ sự riêng tư và nhân thân, kể cả việc tiến hành tố tụng đối với hành vi buôn bán người một cách bí mật³; được bảo đảm an toàn về thân thể khi nạn nhân đang ở trong lãnh thổ của quốc gia đó⁴;

- *Quyền được hỗ trợ*, bao gồm hỗ trợ về thủ tục hành chính và tố tụng, kể cả quyền được trình bày các quan điểm và mối quan ngại của họ⁵; hỗ trợ tái hòa nhập nhằm giúp các nạn nhân buôn bán người có thể phục hồi về thể chất, tinh thần và xã hội, đặc biệt là cung cấp nơi ở thích hợp; hỗ trợ những hướng dẫn và thông tin cần thiết; hỗ trợ y tế, tinh thần, vật chất; các cơ hội việc làm, giáo dục và đào tạo⁶;

- *Quyền được ở lại lãnh thổ của quốc gia thành viên, tạm thời hay vĩnh viễn⁷; quyền hồi hương* trở về lãnh thổ nước mình⁸;

- *Quyền được đền bù thiệt hại* mà các nạn nhân phải chịu⁹.

Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em (ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Especially Women and Children)¹⁰ tại Điều 14 quy định về bảo vệ nạn nhân trong các vụ mua bán

người. Theo đó, Công ước cũng quy định bốn nhóm quyền của nạn nhân, gồm:

- *Quyền được ở lại lãnh thổ của quốc gia thành viên¹¹; được hồi hương* trở về quốc gia mà nạn nhân là công dân hoặc nạn nhân có quyền cư trú vĩnh viễn tại thời điểm nạn nhân bị mua bán¹²;

- *Quyền được bảo vệ*, bao gồm được bảo đảm an toàn về thân thể¹³; được bảo vệ sự riêng tư và nhận dạng¹⁴; quyền được miễn trừ¹⁵;

- *Quyền được hỗ trợ*, gồm được thông tin về bản chất của sự bảo vệ, hỗ trợ và giúp đỡ mà nạn nhân được hưởng¹⁶; được chăm sóc, hỗ trợ¹⁷, kể cả hỗ trợ tái hòa nhập xã hội¹⁸;

- *Quyền được bồi thường¹⁹.*

Như vậy, so với Nghị định thư của Liên Hợp Quốc thì Công ước ASEAN quy định thêm 01 quyền trong nhóm *quyền được bảo vệ* là *quyền được miễn trừ*, không áp dụng hình phạt hoặc trách nhiệm hành chính đối với nạn nhân bị buôn bán vì hành vi trái pháp luật của người này nếu những hành vi trái pháp luật đó là hệ quả trực tiếp của hành vi buôn bán người²⁰ và

³ Khoản 1 Điều 6 Nghị định thư về ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc. Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/protocoltraffickinginpersons.aspx>.

⁴ Khoản 5 Điều 6 Nghị định thư. Tlđđ.

⁵ Khoản 2 Điều 6 Nghị định thư. Tlđđ.

⁶ Khoản 3 Điều 6 Nghị định thư. Tlđđ.

⁷ Khoản 7 Điều 6 Nghị định thư. Tlđđ.

⁸ Điều 8 Nghị định thư. Tlđđ.

⁹ Khoản 6 Điều 6 Nghị định thư. Tlđđ.

¹⁰ ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Especially Women and Children. Nguồn: <https://www.asean.org/wp-content/uploads/2015/12/ACTIP.pdf>.

¹¹ Khoản 4 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹² Khoản 1, 2, 3 Điều 15 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹³ Khoản 5 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹⁴ Khoản 6 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹⁵ Khoản 7, 8 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹⁶ Khoản 9 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹⁷ Khoản 10 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹⁸ Khoản 11 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹⁹ Khoản 13 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

²⁰ Khoản 7 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

“không giam giữ những người được cơ quan có thẩm quyền trong nước mình xác định là nạn nhân bị buôn bán...”²¹

1.2. Quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người theo pháp luật Việt Nam

Cũng như pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có quy định riêng về quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người mà chỉ quy định quyền của nạn nhân nói chung trong các vụ án này. Nghiên cứu Luật Phòng, chống mua bán người (Luật số 66/2011/QH12) và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thấy bốn nhóm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người gồm:

- *Quyền được bảo vệ*, bao gồm được bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản của nạn nhân và người thân thích của họ²²; được đảm bảo bí mật về nơi cư trú, nơi làm việc, học tập; bảo vệ bí mật thông tin cá nhân²³; được xét xử kín; được bố trí nơi ở, nơi làm việc, học tập mới²⁴.

- *Quyền được hưởng các chế độ hỗ trợ*²⁵, gồm: Được bố trí nơi tạm lánh²⁶; được hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu, chi phí đi lại, hỗ

trợ y tế, hỗ trợ tâm lý, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn²⁷;

- *Quyền được tiếp nhận, xác minh, giải cứu nạn nhân*²⁸; được hồi hương²⁹;

- *Quyền được bồi thường thiệt hại* theo quy định của pháp luật³⁰.

1.3. Những hạn chế trong các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người

- *Thứ nhất*, mặc dù có sự tương đồng về các nhóm quyền với pháp luật quốc tế, tuy nhiên, các quyền cụ thể trong mỗi nhóm quyền vẫn chưa thật sự tương thích. Các quyền được ở lại và quyền miễn trừ chưa được ghi nhận trong Luật Phòng, chống mua bán người của Việt Nam.

- *Thứ hai*, quy định về quyền của nạn nhân còn rải rác ở nhiều điều trong Luật Phòng, chống mua bán người. Điều 6 có tên là *“quyền và nghĩa vụ của nạn nhân”* nhưng không nêu rõ đâu là quyền, đâu là nghĩa vụ. Kỹ thuật lập pháp của Điều 6 bắt buộc phải dẫn chiếu đến nhiều điều luật khác (từ Điều 24 đến Điều 28, từ Điều 32 đến Điều 39 và Điều 55 Luật Phòng, chống mua bán người) mới làm rõ được các quyền của nạn nhân và người thân thích của nạn nhân. Điều này gây khó khăn cho việc nhận thức cũng như thực tiễn áp dụng.

- *Thứ ba*, cách diễn đạt các quyền của nạn nhân trong khoản 1 không thống nhất và thiếu logic với khoản 2 và 3

²¹ Khoản 8 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

²² Khoản 1, 2 Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011; Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 của Chính phủ đã quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân và người thân thích của họ.

²³ Điều 30, 31 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

²⁴ Khoản 6, 8 Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP

²⁵ Khoản 2 Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011; Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người; Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân.

²⁶ Điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

²⁷ Điều 6, 32-38 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

²⁸ Điều 24-28, Điều 29 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

²⁹ Điều 24-28, 55 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

³⁰ Khoản 1, 2, 3 Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

của Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người. Khoản 2, 3 Điều 6 diễn đạt dưới góc độ quyền còn khoản 1 đang diễn đạt dưới góc độ bảo đảm thực hiện quyền.

- Thứ tư, Luật Phòng, chống mua bán người chưa có định nghĩa về “*người thân thích của nạn nhân*”. Khái niệm “*người thân thích*” của nạn nhân chỉ được đề cập trong Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 của Chính phủ quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ (gọi tắt là Nghị định số 62/2012/NĐ-CP). Theo đó, Nghị định cũng không định nghĩa “*người thân thích*” mà chỉ liệt kê những người được coi là “*Người thân thích của nạn nhân*”, “*bao gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha kế, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, cha mẹ bên vợ hoặc bên chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cháu nội, cháu ngoại của nạn nhân*”.³¹

- Thứ năm, pháp luật chưa có quy định riêng về quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người. Quyền của nạn nhân là trẻ em chỉ được đề cập rất hạn chế trong các văn bản luật. Ví dụ, khoản 3 Điều 24 Luật Phòng, chống mua bán người quy định: “*Sau khi tiếp nhận, ... đối với nạn nhân là trẻ em thì thông báo cho người thân thích đến nhận hoặc bố trí người đưa về ...*”. Điểm b khoản 1 Điều 26 về tiếp nhận, xác minh nạn nhân từ nước ngoài trở về quy định: “*Nạn nhân là trẻ em thì thông báo cho người thân thích đến nhận hoặc bố trí người đưa về nơi người thân thích cư*

trú...”. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nạn nhân là trẻ em phải chịu những điều kiện vô nhân đạo và bạo lực rất nghiêm trọng, có thể ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bình thường của trẻ, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe thể chất và tinh thần cho nạn nhân. Một nghiên cứu của Ottisova và cộng sự năm 2018 đối với 51 trẻ em là nạn nhân trong các vụ mua bán người cho thấy, có đến 53% bị bạo lực thân thể và 49% bị bạo lực tình dục; có đến 33% nạn nhân có các hành vi cố ý tự làm hại cho bản thân, và 27% cố gắng tự tử³². Điều này cho thấy cần phải có những quy định đặc thù trong bảo vệ, hỗ trợ và bồi thường thiệt hại cho trẻ em là nạn nhân của các vụ mua bán người.

2. Bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

2.1. Khái niệm bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

Hiện nay, các từ điển pháp lý chưa giải thích thuật ngữ “*bảo đảm quyền*”. Từ điển Tiếng Việt định nghĩa: Bảo đảm là “*Cam đoan chịu trách nhiệm về việc gì đó; Có đủ, trọn vẹn các điều quy định. Chắc chắn, đạt tiêu chuẩn cần thiết*”³³. Theo nghĩa này và từ thực tiễn bảo đảm quyền, có thể hiểu bảo đảm quyền chính là quá trình làm cho các quyền được thực hiện trên thực tế. Các quyền được quy định trong văn bản pháp luật, nếu không có quy định về cách thức tổ chức thực hiện thì

³¹ Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 của Chính phủ quy định căn cứ để xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ.

³² Gabriela Martinho, Mariana Gonçalves, Marlene Matos, *Child trafficking, comprehensive needs and professional practices: A systematic review*, Children and Youth Services Review 119 (2020) 105674, tr.2.

³³ Nguyễn Như Ý, *Từ điển Tiếng Việt thông dụng (tái bản lần thứ sáu)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam tr.41, 41.

sẽ không thể được thực hiện trên thực tế. *Bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người chính là quá trình làm cho các quyền của trẻ em trong các vụ mua bán người được thực hiện trên thực tế.* Các yếu tố bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người bao gồm chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật bảo đảm các quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người.

Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước về quyền trẻ em về việc buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em³⁴ được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua và mở cho các nước ký, phê chuẩn, gia nhập theo Nghị quyết A/RES/54/263, ngày 25/5/2000 (Việt Nam phê chuẩn ngày 20/12/2001) đã khuyến nghị các quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp thích hợp để bảo vệ quyền và lợi ích của những trẻ em là nạn nhân của các vụ mua bán người. Đây chính là một trong các cơ sở để các quốc gia nội luật hóa các biện pháp bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người.

2.2. Chính sách, pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

2.2.1. Chính sách bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm chăm sóc và bảo vệ trẻ em. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung

ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thể hiện rõ quan điểm luôn “*Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng*”³⁵. Quan điểm này được cụ thể hóa trong các chính sách đối với trẻ em, đặc biệt là trẻ em là nạn nhân của các vụ mua bán người.

Chính sách đối với nạn nhân trong các vụ mua bán người thể hiện trước hết trong Luật Phòng, chống mua bán người, trong đó quy định rõ việc “*Giải cứu, bảo vệ, tiếp nhận, xác minh, hỗ trợ nạn nhân kịp thời, chính xác. Tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp và không kỳ thị, phân biệt đối xử đối với nạn nhân*”. Đây là chính sách xuyên suốt của Nhà nước trong bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân trong các vụ mua bán người. Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020 cũng nêu rõ mục tiêu “*thực hiện hiệu quả công tác tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về*”³⁶. Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 nhấn mạnh mục tiêu “*Bảo đảm nạn nhân được tiếp nhận, xác minh, xác định, giải cứu, bảo vệ và hỗ trợ kịp thời, hiệu quả theo quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc lấy nạn nhân làm trung tâm*”. Chương trình cũng quy định rõ “*Chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống mua bán người, xác minh, xác định, giải cứu, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất phù hợp với pháp luật khu vực, quốc tế*

³⁴ General Assembly, *Optional Protocol to the Convention on the Rights of the Child on the sale of children, child prostitution and child pornography*. Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/opscrc.aspx>.

³⁵ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Tập I, Hà Nội 2021, tr.143.

³⁶ Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2546/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020.

và thực tiễn công tác phòng, chống mua bán người”³⁷. Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người (gọi tắt là Nghị định số 09/2013/NĐ-CP), trong đó đã quy định rõ chính sách khuyến khích đối với tổ chức, cá nhân tham gia công tác hỗ trợ nạn nhân³⁸.

Như vậy, có thể thấy các văn bản của Nhà nước đã thể hiện rõ ba chính sách lớn bảo đảm quyền của nạn nhân nói chung và nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người nói riêng: *Một là* chính sách bảo đảm quyền của nạn nhân được tiếp nhận, xác minh, xác định và giải cứu. *Hai là* chính sách bảo đảm quyền được bảo vệ của nạn nhân. *Ba là* chính sách bảo đảm quyền được hỗ trợ của nạn nhân.

2.2.2. Pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

Trên cơ sở các chính sách nêu trên, một hành lang pháp lý được xây dựng khá đầy đủ, trong đó Luật Phòng, chống mua bán người đóng vai trò nòng cốt đã cụ thể hóa cả ba chính sách này.

- Đối với chính sách bảo đảm quyền của nạn nhân được tiếp nhận, xác minh, xác định và giải cứu, Luật Phòng, chống mua bán người đã dành hẳn Chương 4 từ Điều 24 đến Điều 29 để quy định về căn cứ để xác định nạn nhân; chủ thể có thẩm quyền tiếp nhận, xác minh nạn

nhân; thời hạn thực hiện việc tiếp nhận, xác minh; chủ thể có thẩm quyền giải cứu nạn nhân. Điều 5 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP đã quy định rất cụ thể các căn cứ để xác định nạn nhân của các vụ mua bán người. Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG ngày 10/02/2014 đã hướng dẫn trình tự, thủ tục và quan hệ phối hợp trong việc xác minh, xác định, tiếp nhận và trao trả nạn nhân bị mua bán, trong đó quy định rất cụ thể việc xác minh, xác định, tiếp nhận nạn nhân đang ở nước ngoài (Điều 4), nạn nhân từ nước ngoài trở về (Điều 5), nạn nhân là công dân Việt Nam bị mua bán trong nước tự đến trình báo (Điều 6), nạn nhân được giải cứu trong nước (Điều 7), nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam (Điều 8, 9).

- Đối với chính sách bảo đảm quyền được bảo vệ của nạn nhân, Luật Phòng, chống mua bán người cho phép áp dụng ngay các biện pháp cần thiết để bảo vệ nạn nhân ngay khi người đó bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản (Điều 29). Để tạo sự chủ động, Luật quy định nạn nhân có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp để bảo vệ mình và người thân thích (khoản 1 Điều 6). Luật cũng quy định rất cụ thể các biện pháp bảo vệ nạn nhân và người thân thích của nạn nhân như bố trí nơi tạm lánh; giữ bí mật nơi cư trú, nơi làm việc, học tập và biện pháp khác³⁹. Luật cũng quy định rõ các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp này cũng như cơ

³⁷ Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

³⁸ Điều 2 Nghị định 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.

³⁹ Điều 30, 31 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

chế phối hợp của các cơ quan này trong bảo vệ nạn nhân⁴⁰. Nghị định số 62/2012/NĐ-CP quy định cụ thể các căn cứ để xác định nạn nhân, các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân và người thân thích của họ, thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ, trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ; trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp bảo vệ. Đặc biệt, Nghị định cũng quy định rõ nguồn kinh phí thực hiện việc bảo vệ an toàn cho nạn nhân và người thân thích của nạn nhân (Điều 4).

- Đối với chính sách bảo đảm quyền được hỗ trợ của nạn nhân, Luật Phòng, chống mua bán người đã quy định các biện pháp hỗ trợ nạn nhân từ Điều 32 đến Điều 40, trong đó quy định rõ các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân tại Điều 39, 40. Nghị định số 09/2013/NĐ-CP đã quy định cụ thể về nguồn kinh phí hỗ trợ nạn nhân; trình tự thành lập, tổ chức hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân; chế độ, trình tự, thủ tục thực hiện chế độ hỗ trợ nạn nhân. Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 của Bộ Tài chính đã cụ thể hóa nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân.

Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, trong chín nhiệm vụ, giải pháp thì có một nhiệm vụ, giải pháp là *tiếp nhận, xác minh, xác định, giải cứu và bảo vệ nạn nhân* và một nhiệm vụ *hỗ trợ nạn nhân bị mua bán*⁴¹.

⁴⁰ Điều 21, 29-31 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

⁴¹ Khoản 4, 5 Phần II Chương trình phòng, chống

Tất cả các quy định này đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng giúp cho việc vận hành cơ chế bảo đảm các quyền của nạn nhân và người thân thích của nạn nhân nói chung cũng như nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người nói riêng.

2.3. Những hạn chế trong các quy định về chính sách, pháp luật về bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người

- *Thứ nhất*, mặc dù các chính sách về bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người đã được thể hiện trong các văn bản luật nhưng chưa có văn bản nào có tên điều luật là chính sách bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người nói riêng. Để thấy được các chính sách này, phải phân tích nội dung của các quy định, nhất là các quy định về mục đích, nguyên tắc trong các văn bản pháp luật. Điều này ảnh hưởng đến việc nhận thức và thực hiện chính sách.

- *Thứ hai*, pháp luật về bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người được quy định rải rác ở nhiều điều luật trong một văn bản luật cũng như được quy định ở nhiều văn bản luật gây khó khăn cho việc nhận thức và thực hiện.

- *Thứ ba*, một số quy định trong pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người còn chưa phù hợp, ví dụ:

+ Điều 21 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP quy định nạn nhân được hỗ trợ về tâm lý và y tế trong thời gian cư trú tại cơ sở bảo trợ xã hội và cơ sở hỗ trợ nạn nhân. Tuy

mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 (Kèm theo Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

nhiên, ngay trong thời gian khai báo, nạn nhân của các vụ mua bán người đã chịu những tổn thương tâm lý, hoảng loạn, lo sợ... rất cần được tư vấn để ổn định về tâm lý, bảo đảm sức khỏe cũng như thực hiện tốt việc khai báo.

+ Các trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân đòi hỏi nạn nhân phải là hộ nghèo. Tuy nhiên, việc xin xác định hộ nghèo đối với nạn nhân là khá phức tạp, nhất là nạn nhân đã bị mua bán vắng mặt lâu ngày tại địa phương. Mặt khác, mức trợ cấp 1.000.000 đồng/người theo Thông tư số 84/2019/TT-BTC là tương đối thấp.

- Thứ tư, hiện chỉ có một vài điều khoản có quy định riêng cho nạn nhân là trẻ em của các vụ mua bán người. Đa số các văn bản đều không có các quy định riêng cho trẻ em là nạn nhân của các vụ mua bán người.

2.4. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

- Đối với việc tổ chức thực thi các quyền được bảo vệ của nạn nhân và người thân thích của họ, Luật Phòng, chống mua bán người và Nghị định số 62/2012/NĐ-CP quy định khá chi tiết về các chủ thể có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ như: Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân, Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân, Bộ đội biên phòng, Lực lượng Cảnh sát biển, Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp, Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Cơ sở bảo trợ xã hội, Cơ sở hỗ trợ nạn nhân; Cơ quan đại diện Việt Nam

ở nước ngoài⁴². Nghị định cũng quy định cụ thể các chủ thể có trách nhiệm tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ (Điều 9), trình tự thủ tục áp dụng các biện pháp bảo vệ (Điều 10). Đây là những bảo đảm cho các biện pháp được thực thi trong thực tiễn.

- Đối với việc tổ chức thực hiện các quyền hỗ trợ cho nạn nhân, Luật Phòng, chống mua bán người quy định cụ thể các chủ thể thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân gồm:

+ Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận nạn nhân, cơ quan Công an, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển đã giải cứu nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân.

+ Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện hỗ trợ chi phí đi lại cho nạn nhân trong trường hợp họ tự trở về nơi cư trú.

+ Cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ tâm lý, hỗ trợ y tế cho nạn nhân.

+ Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân.

+ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân; phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện hỗ trợ y tế, hỗ trợ học văn hóa, học nghề cho nạn nhân⁴³.

- Đối với việc tổ chức thực hiện các quyền được tiếp nhận, xác minh, giải cứu nạn nhân, quyền được hồi hương, Luật Phòng, chống mua bán người giao cho

⁴² Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

⁴³ Điều 39 Luật Phòng, chống mua bán người.

Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp nhận các khai báo về việc bị mua bán thông qua Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức nơi gần nhất. Cơ quan Công an cùng cấp có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội⁴⁴. Cơ quan có trách nhiệm giải cứu nạn nhân là Cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển.

Đối với nạn nhân ở nước ngoài, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận và xử lý thông tin, tài liệu về nạn nhân và phối hợp với Bộ Công an để xác minh nhân thân của nạn nhân, cấp giấy tờ cần thiết, làm thủ tục đưa họ về nước. Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện việc tiếp nhận nạn nhân⁴⁵. Trường hợp có thông tin cho biết nạn nhân chưa được giải cứu thì Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại để phối hợp kiểm tra, xác minh và tổ chức giải cứu nếu xác định nguồn thông tin có căn cứ⁴⁶.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại những hạn chế trong các quy định về tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người: Nghiên cứu các quy định về tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người cho thấy vẫn có những hạn chế. Ví dụ, khoản 5 Điều 39 Luật Phòng, chống mua bán người quy định thẩm quyền thực hiện trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân là Sở Lao

động – Thương binh và Xã hội, nhưng điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP lại quy định thẩm quyền này thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Vấn đề bồi thường cho nạn nhân trong các vụ mua bán người chưa có các quy định đặc thù mà vẫn theo các thủ tục của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự. Đây là một trở ngại lớn cho các nạn nhân trong việc chứng minh thiệt hại cũng như trong các trường hợp không xác định được người phạm tội hoặc người phạm tội đã chết...

3. Các giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm tăng cường bảo đảm các quyền của nạn nhân, nhất là nạn nhân trẻ em trong các vụ mua bán người

Từ những phân tích trên và những hạn chế trong pháp luật quy định về quyền và bảo đảm quyền của nạn nhân nói chung, nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người nói riêng, đặt ra nhu cầu cần tiếp tục sửa đổi và hoàn thiện pháp luật về quyền và bảo đảm quyền của nạn nhân, nhất là nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người:

- Thứ nhất, cần sửa đổi Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người theo hướng: Quy định đầy đủ bốn nhóm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người làm căn cứ để xác định chính sách và pháp luật bảo đảm các quyền này, trong đó cần đặc biệt lưu ý đến nạn nhân là phụ nữ và trẻ em theo tinh thần của Nghị định thư về ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc và Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em.

⁴⁴ Điều 24 Luật Phòng, chống mua bán người.

⁴⁵ Điều 26 Luật Phòng, chống mua bán người.

⁴⁶ Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐT BXH-BNG ngày 10/2/2014 về hướng dẫn trình tự, thủ tục và quan hệ phối hợp trong xác minh, xác định, tiếp nhận và trao trả nạn nhân bị mua bán.

Luật Phòng, chống mua bán người cũng cần bổ sung định nghĩa về “*người thân thích của nạn nhân*” tại Điều 2 để bảo đảm tính pháp lý và tính tương thích với các văn bản pháp luật khác, nhất là Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Thứ hai, Luật Phòng, chống mua bán người cần bổ sung điều luật xác định rõ các chính sách bảo đảm quyền của nạn nhân, nhất là nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người làm căn cứ để cụ thể hóa các chính sách này thành các quy định bảo đảm quyền của nạn nhân, nhất là nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người.

- Thứ ba, Luật Phòng, chống mua bán người cần tập hợp các quy định về bảo đảm quyền của nạn nhân, đặc biệt là nạn nhân là trẻ em thành một chế định về bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người, trong đó cần có một số quy định đặc thù để bảo đảm tốt hơn các quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức và bảo đảm thực hiện các quyền này trong thực tiễn.

- Thứ tư, cần rà soát để sửa đổi và hoàn thiện pháp luật phòng, chống mua bán người nói chung, cũng như pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh của các quy phạm này. Trước mắt cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung ngay một số quy định:

+ Bổ sung quy định về hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân ngay trong thời gian nạn nhân của các vụ mua bán người thực hiện khai báo nhằm bảo đảm tốt nhất quyền của nạn nhân.

+ Sửa đổi điều kiện trợ cấp khó khăn ban đầu, như dựa trên tiêu chí tài sản

hiện có của nạn nhân hoặc những tiêu chí khác có thể tạo thuận lợi cho nạn nhân của các vụ mua bán người dễ dàng tiếp cận, đồng thời quy định thống nhất về chủ thể có thẩm quyền hỗ trợ để tạo thuận lợi cho việc thực hiện.

+ Hiện nay, nhiều quốc gia đã thành lập các quỹ nạn nhân của tội phạm (Crime Victims Fund) như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Pháp⁴⁷. Quỹ nạn nhân của tội phạm là một nguồn quan trọng được sử dụng để bồi thường cho các nạn nhân của tội phạm, nhất là các nạn nhân của các vụ mua bán người. Việc thiết lập và bồi thường thiệt hại dựa trên quỹ nạn nhân của tội phạm là một kinh nghiệm rất đáng được Việt Nam nghiên cứu để áp dụng nhằm tăng cường bảo đảm các quyền của nạn nhân nói chung, quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người nói riêng, nhất là quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người.

Chiến lược của châu Âu hướng tới xóa bỏ buôn bán người đã đặt ra năm nội dung ưu tiên, trong đó nội dung ưu tiên thứ hai được xác định là bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân của các hành vi mua bán người, đặc biệt chú trọng bảo vệ trẻ em là đối tượng rất dễ bị tổn thương, dễ trở thành nạn nhân của tội phạm mua bán hoặc tái trở thành nạn nhân⁴⁸. Điều này cho thấy vấn đề bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người đang

⁴⁷ Nguyễn Tất Thành, *Nhà nước bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra: Quy định của pháp luật một số nước và gợi mở cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 03+04 (427+428), tháng 2/2021. Nguồn: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210770>.

⁴⁸ Zuzana Obertová, Cristina Cattaneo, *Child trafficking and the European migration crisis: The role of forensic practitioners*, Forensic, Science International Volume 282, January 2018, Pages 46-59 (tr.49).

ngày càng trở thành mối quan tâm đặc biệt của các quốc gia. Thực hiện tốt vấn đề này sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của hoạt động phòng, chống mua bán người nói chung và mua bán trẻ em nói riêng, góp phần bảo vệ trẻ em, nguồn lực tương lai của đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Especially Women and Children. Nguồn: <https://www.asean.org/wp-content/uploads/2015/12/ACTIP.pdf>.
2. Bộ Tài chính, Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân.
3. Chính phủ, Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.
4. Chính phủ, Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân và người thân thích của họ.
5. Chính phủ, Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 ban hành Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.
6. Chính phủ, Quyết định số 2546/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020.
7. Convention on the Rights of the Child . Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/crc.aspx>.
8. Gabriela Martinho, Mariana Gonçalves, Marlene Matos, *Child trafficking, comprehensive needs and professional practices: A systematic review*, Children and Youth Services Review 119 (2020) 105674.
9. General Assembly, *Optional Protocol to the Convention on the Rights of the Child on the sale of children, child prostitution and child pornography*. Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/opscrc.aspx>
10. Đỗ Thị Lý Quỳnh (2020), *Cơ chế pháp lý phòng, chống mua bán người ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Tất Thành, *Nhà nước bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra: quy định của pháp luật một số nước và gợi mở cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 03+04 (427+428), tháng 2/2021. Nguồn: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210770>.
12. Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLDTBXH-BNG ngày 10/2/2014 về hướng dẫn trình tự, thủ tục và quan hệ phối hợp trong xác minh, xác định, tiếp nhận và trao trả nạn nhân bị mua bán.
13. United Nations Protocol to Prevent, Suppress and Punish Trafficking in Persons, especially Women and Children. Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/protocol-traffickinginpersons.aspx>.
14. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Tập 1, Hà Nội, 2021.
15. Nguyễn Như Ý, *Từ điển Tiếng Việt thông dụng (tái bản lần thứ sáu)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
16. Zuzana Obertová, Cristina Cattaneo, *Child trafficking and the European migration crisis: The role of forensic practitioners*, Forensic, Science International Volume 282, January 2018, Pages 46-59 (tr.49).